

Thứ hai, ngày 23 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/12/2019		●	
Tuần 23/12-27/12/2019		●	
Tháng 12/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index vận động tích cực trong cả hai phiên sáng và chiều nhờ sự đồng thuận các cổ phiếu ngành Ngân hàng như VCB, BID, TCB, CTG, MBB. Thị trường có phiên tăng điểm tốt khi khối ngoại quay trở lại mua ròng trên sàn HSX. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình cho thấy dòng tiền đang dần trở lại. Đà tăng của chỉ số phần nào bị ảnh hưởng bởi thông tin Bộ Tài chính Trung Quốc thông báo sẽ giảm thuế với nhiều mặt hàng nhập khẩu bắt đầu từ ngày 1/1. Mặc dù đợt giảm thuế này không liên quan trực tiếp đến quá trình đàm phán để giải quyết cuộc chiến thương mại với Mỹ, đây có thể là tín hiệu cho thấy Trung Quốc sẽ có những động thái nới lỏng hơn trong vấn đề thương mại đối với phía Mỹ.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự diễn biến trái chiều trong phiên hôm nay khi VN30F2001 và VN30F2003 giảm điểm còn VN30F2002 và VN30F2006 tăng điểm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_ Ngân hàng _1.4%. 5/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.3%

Phân tích kỹ thuật: BCM_ Hồi phục trung hạn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.02 điểm**, đóng cửa 959.43. HNX-Index **-0.07 điểm**, đóng cửa 102.35
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.89); BID (+2.46); TCB (+0.31); CTG (+0.22); TCH (+0.21).**
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-1.09); VNM (-1.00); VHM (-0.38); PLX (-0.27); VPB (-0.18).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,389 tỷ đồng**, **-0.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 2.64 điểm. Thị trường có 141 mã tăng, 73 mã tham chiếu và 162 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **46.51 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (33.39 tỷ), BID (33.00 tỷ) và HPG (17.86 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.68 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

959.43

Giá trị: 3389.08 tỷ

3.02 (0.32%)

Khối ngoại (ròng): 45.61 tỷ

HNX-INDEX

102.35

Giá trị: 254.38 tỷ

-0.07 (-0.07%)

Khối ngoại (ròng): -3.68 tỷ

UPCOM-INDEX

55.48

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.19 (-0.34%)

Khối ngoại (ròng): -3.46 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	60.2	-0.45%
Giá vàng	1,484	0.42%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,656	-0.40%
Tỷ giá JPY/VND	21,190	0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	8.04%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	33.4	VIC	30.3
BID	32.9	HDB	13.7
HPG	17.9	MSN	13.7
VNM	15.3	FIT	10.5
KBC	15.3	VHM	8.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **5/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.4%**, con số này của VNINDEX là 0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **7/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	1.4%	1.6%	0.6%	2.4%	17.1%	14.3%	94.7%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.9%	0.2%	-1.2%	-0.4%	6.4%	3.4%	47.3%	19.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	-0.4%	-0.7%	-1.6%	15.9%	26.9%	126.6%	18.9%
BD&S & Khu công nghiệp	0.2%	-1.1%	-3.9%	-4.5%	0.8%	2.5%	58.7%	16.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	-1.3%	-2.0%	-6.6%	8.3%	10.3%	74.3%	17.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	-1.3%	-2.9%	-6.8%	1.2%	2.5%	62.4%	14.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-1.3%	1.2%	1.9%	-1.8%	15.4%	53.6%	14.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	-1.8%	-2.8%	-5.9%	7.5%	11.9%	86.4%	16.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	-2.3%	-4.4%	-5.2%	-11.0%	-13.6%	48.8%	21.2%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-0.9%	-2.6%	-3.3%	2.4%	5.9%	86.2%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	-1.2%	-3.9%	-4.7%	0.5%	3.6%	76.1%	13.7%
Nước & Năng lượng	-0.5%	-1.6%	-2.5%	-5.5%	-4.2%	6.6%	49.7%	14.2%
Dầu khí	-0.6%	-1.7%	-6.4%	-8.1%	-9.1%	-1.8%	18.4%	22.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.9%	-3.1%	-2.3%	-0.7%	1.8%	5.2%	7.3%	18.6%
Chiến tranh thương mại	-1.3%	-2.7%	-5.5%	-6.5%	-8.7%	1.9%	13.5%	15.4%
Hàng tiêu dùng	-1.6%	-3.2%	-7.2%	-13.1%	-2.4%	-1.4%	50.9%	17.3%
Lãi suất giảm	-1.8%	-3.0%	-2.9%	-8.2%	-6.9%	-2.7%	50.8%	17.7%
Xây dựng	-2.2%	-4.1%	-6.1%	-17.9%	-14.3%	-16.2%	22.2%	18.0%
Xây dựng & Vật liệu XD	-2.3%	-4.9%	-6.2%	-7.5%	-7.8%	-9.6%	-3.6%	17.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 8	1.3%	1.8%	0.0%	-0.7%	8.4%	13.4%	65.2%	17.3%
Danh mục 3	0.9%	0.3%	0.5%	-2.6%	13.9%	20.1%	78.4%	18.6%
Danh mục 1	0.5%	-0.4%	-0.7%	-0.7%	9.8%	9.5%	97.4%	15.8%
Danh mục 9	-1.2%	-1.7%	-4.1%	-6.1%	4.0%	4.0%	56.2%	15.4%
Danh mục 17	-1.4%	-3.9%	-7.8%	-7.7%	-2.0%	16.5%	145.5%	19.0%
* Note	7/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 20	0.5%	0.6%	-1.1%	-2.1%	10.9%	14.5%	63.1%	16.7%
Danh mục 24	0.2%	-1.0%	-2.1%	-4.3%	4.4%	24.2%	97.2%	20.1%
Danh mục 19	0.1%	0.6%	-1.2%	-0.9%	11.2%	19.1%	65.5%	15.4%
Danh mục 23	-1.2%	-5.2%	-5.1%	-6.2%	-2.6%	20.7%	95.4%	18.8%
Danh mục 25	-1.3%	-3.6%	-5.1%	-8.7%	5.6%	27.4%	129.6%	17.8%
* Note	3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

INDEX								
VNINDEX	0.3%	-0.2%	-1.9%	-2.8%	1.7%	3.5%	45.4%	15.6%
VN30INDEX	0.0%	-1.0%	-2.7%	-4.8%	1.6%	-2.5%	41.7%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/23/2019

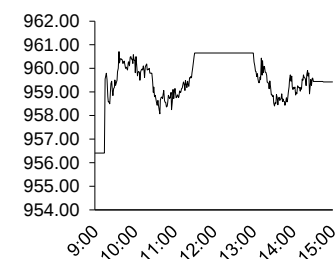
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

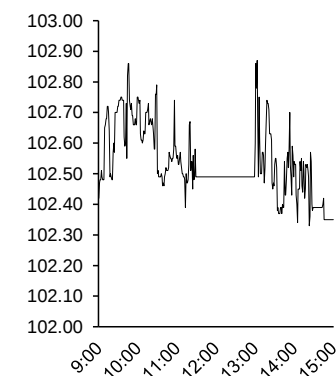
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày (chưa cập nhật)

Ngành	±%
Truyền thông	-2.4%
Hóa chất	-1.4%
Viễn thông	-1.0%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Y tế	0.3%
Bất động sản	0.3%
Bán lẻ	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9%
Ngân hàng	1.0%
Công nghệ Thông tin	1.1%
Bảo hiểm	1.1%
Dầu khí	2.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

BCM_ Hồi phục trung hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: BCM đang nằm trong xu hướng hồi phục hình thành ngưỡng hỗ trợ tại vùng giá 28. Thanh khoản cổ phiếu vẫn ở mức thấp và nằm dưới mức trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng chưa mạnh. Chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực trong khi chỉ báo RSI cho thấy dấu hiệu điều chỉnh nhẹ. Đường giá cổ phiếu đã cắt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Tuy nhiên với thanh khoản ở mức yếu BCM nhiều khả năng sẽ mới chỉ nằm trong nhịp hồi phục ngắn hạn. Như vậy, BCM nhiều khả năng sẽ tích lũy tại ngưỡng giá 30 rồi mới kiểm tra lại vùng giá 35-36 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kế hoạch 2019:- Công ty mẹ đặt kế hoạch DT đạt 5,739 tỷ đồng (+35% yoy) và LNTT đạt 1,903 tỷ đồng (+79% yoy), LNST đạt 1,702 tỷ đồng (+91% yoy). Kế hoạch cổ tức 2018 là 6%, 2019 là 8%.- Tổng công ty đặt kế hoạch DT đạt 8,998 tỷ đồng (+10% yoy), LNTT đạt 2,897 tỷ đồng (+10% yoy) và LNST đạt 2,613 tỷ đồng (+10% yoy). Trong đó, cơ cấu doanh thu BCM: Khu công nghiệp đạt 1,800 tỷ đồng (32% tổng DT), Khu dân cư đạt 2,193 tỷ đồng (37% tổng DT) và doanh thu khác đạt 1,746 tỷ đồng (31% tổng DT).

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh 6 tháng 2019 của công ty mẹ ước đạt: DT là 2,600 tỷ đồng (đạt 45% kế hoạch), LNTT đạt 638 tỷ đồng (đạt 33% kế hoạch) và LNST đạt 527 tỷ đồng (đạt 31% kế hoạch). BCM đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 10,125.8 tỷ đồng lên 20,000 tỷ đồng trong giai đoạn 2019-2020.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express BCM 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

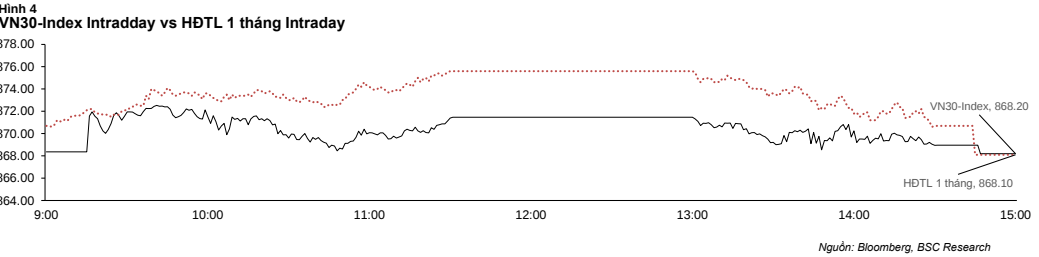
HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2001	868.10	-0.15%	-0.10	10.3%	76689	1/16/2020	26
VN30F2002	872.00	0.11%	3.80	n/a	115	2/20/2020	61
VN30F2003	876.20	-0.08%	8.00	1.8%	56	3/19/2020	89
VN30F2006	880.10	0.01%	11.90	106.5%	64	6/18/2020	180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 0.17 điểm xuống mức 868.2 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, VNM, VPB, FPT và VHM tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 tăng nhẹ trong suốt phiên giao dịch nhưng đã quay đầu giảm điểm vào cuối phiên. VN30 có thể tiếp tục biến động trong phạm vi 860-870 trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL có sự diễn biến trái chiều trong phiên hôm nay khi VN30F2001 và VN30F2003 giảm điểm còn VN30F2002 và VN30F2006 tăng điểm. Xét về khối lượng giao dịch, hầu hết các hợp đồng đều tăng, trừ VN30F2002. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F2006 giảm về vị thế mở, còn các hợp đồng còn lại đều tăng. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSBT1901	KIS	2/14/2020	53	1:1	70	-93.9%	2.0 triệu	16.55%	1,500	860	22.86%	3.50	245.71
CTCB1901	MBS	1/17/2020	25	2:1	13,400	-87.7%	2.0 triệu	21.72%	1,680	580	9.43%	190.70	3.04
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	30	5:1	79,460	0.0%	1.5 triệu	16.33%	2,220	1,660	8.50%	1,261.20	1.32
CVJC1902	SSI	4/22/2020	121	1:1	9,420	9.5%	1.0 triệu	13.87%	27,900	25,920	1.21%	15,342.80	1.69
CMWG1904	SSI	12/30/2019	7	1:1	19,460	0.0%	1.0 triệu	0.00%	14,000	21,740	1.12%	21,081.90	1.03
CMWG1903	HSC	12/30/2019	7	5:1	106,810	-13.2%	2.0 triệu	21.91%	2,700	3,100	0.00%	3,207.40	0.97
CVIC1902	SSI	4/22/2020	121	1:1	7,060	26.1%	1.0 triệu	16.05%	22,700	14,880	-1.20%	5,583.20	2.67
CREE1903	SSI	4/22/2020	121	1:1	15,600	33.8%	1.0 triệu	22.28%	7,600	4,610	-1.28%	1,845.30	2.50
CVRE1903	KIS	5/15/2020	144	2:1	40,750	134.3%	4.0 triệu	21.80%	2,700	1,890	-2.58%	578.80	3.27
CFPT1903	SSI	12/30/2019	7	1:1	20,140	-86.4%	2.0 triệu	20.97%	6,000	11,330	-2.75%	11,006.10	1.03
CMBB1905	HSC	4/8/2020	107	2:1	75,430	-12.0%	5.0 triệu	17.65%	1,700	830	-3.49%	129.60	6.40
CMBB1906	VND	1/9/2020	17	2:1	83,930	497.4%	3.0 triệu	17.65%	2,100	910	-4.21%	561.40	1.62
CHPG1907	SSI	4/22/2020	121	1:1	29,880	287.5%	1.0 triệu	24.89%	4,200	4,130	-4.40%	2,780.90	1.49
CHPG1909	KIS	5/15/2020	144	2:1	285,340	395.7%	5.0 triệu	24.89%	1,800	1,270	-4.51%	480.00	2.65
CNVL1901	KIS	2/7/2020	46	4:1	121,210	80706.7%	5.0 triệu	17.78%	1,900	810	-4.71%	24.80	32.66
CFPT1907	VND	1/9/2020	17	2:1	208,920	271.1%	2.0 triệu	20.97%	4,200	2,040	-5.12%	1,664.10	1.23
CVNM1904	HSC	4/8/2020	107	10:1	70,610	29.7%	5.0 triệu	18.33%	1,900	840	-5.62%	90.60	9.27
CVNM1902	SSI	4/22/2020	121	1:1	45,060	175.4%	1.0 triệu	21.99%	18,600	9,800	-9.43%	4,291.00	2.28
CVNM1903	SSI	4/22/2020	121	1:1	10,640	-21.8%	1.0 triệu	18.33%	26,600	14,670	-10.00%	4,906.20	2.99
CVHM1901	KIS	2/7/2020	46	4:1	123,130	314.2%	5.0 triệu	21.99%	3,100	1,690	-11.05%	195.30	8.65
CREE1904	VND	1/9/2020	17	2:1	156,120	0.0%	3.0 triệu	21.89%	3,400	1,050	-14.63%	864.80	1.21
CMSN1902	KIS	5/15/2020	144	5:1	70,380	-3.8%	2.0 triệu	25.43%	1,640	680	-21.84%	4.50	151.11
CHPG1905	SSI	12/30/2019	7	1:1	217,020	n/a	1.0 triệu	24.89%	3,300	400	-24.53%	302.90	1.32
Tổng:					1,809,840		51.00 triệu	19.49%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên hôm trước.

- Về giá, CHPG1905 và CMSN1902 giảm mạnh nhất lần lượt là 24.53% và 21.84%, ở chiều hướng ngược lại, CSBT1901 và CTCB1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 22.86% và 9.43%. Thanh khoản thị trường tăng 12.79%. CHPG1909 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.61% thị trường.

- Ngoại trừ CMWG1903, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CMWG1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT1903 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	90.90	2.94	1.06
TCB	23.10	1.32	0.94
BID	44.75	4.68	0.55
STB	10.20	2.00	0.50
PNJ	84.70	2.29	0.47

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	51.6	-6.18	-2.19
VNM	118.0	-1.67	-1.38
VPB	19.4	-1.28	-0.58
FPT	56.1	-0.71	-0.30
VHM	83.8	-0.48	-0.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSBT1901	42,424	21,212	18,400
CTCB1901	26,860	23,500	23,100
CPNJ1902	90,100	79,000	84,700
CVJC1902	157,900	130,000	142,900
CMWG1904	165,000	90,000	111,000
CMWG1903	25,800	95,000	111,000
CVIC1902	137,700	115,000	115,700
CREE1903	43,600	36,000	35,500
CVRE1903	71,578	35,789	32,900
CFPT1903	51,140	45,140	56,100
CMBB1905	26,400	23,000	21,050
CMBB1906	24,200	20,000	21,050
CHPG1907	25,200	21,000	23,050
CHPG1909	49,360	24,680	23,050
CNVL1901	69,688	62,088	56,000
CFPT1907	61,400	53,000	56,100
CVNM1904	152,000	133,000	118,000
CVHM1902	103,600	85,000	83,800
CVNM1903	146,600	120,000	118,000
CVHM1901	102,288	89,888	83,800
CREE1904	40,800	34,000	35,500
CMSN1902	155,778	77,889	51,600
CHPG1905	93,300	23,100	23,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	111.0	0.3%	0.7	2,136	2.1	8,321	13.3	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	84.7	2.3%	0.9	820	3.7	4,839	17.5	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.0	-0.7%	1.3	2,194	1.0	1,889	38.1	3.2	25.4%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	0.0%	0.7	314	0.0	2,801	11.1	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.7	-0.1%	1.0	16,945	3.0	1,589	72.8	5.0	14.9%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.9	-0.2%	1.1	3,250	2.2	1,033	31.9	2.7	32.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	0.5%	0.8	2,311	0.7	3,187	17.6	2.5	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	35.5	-0.8%	1.0	479	1.1	5,614	6.3	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.7	-0.7%	1.5	312	0.5	3,215	4.2	0.8	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.4	0.3%	1.4	405	0.9	1,769	10.4	1.0	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	29.5	-1.7%	1.0	211	0.0	5,067	5.8	1.3	37.2%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.4	-0.2%	1.5	271	0.5	1,287	15.8	1.4	56.9%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.1	-0.7%	0.9	1,654	1.9	4,688	12.0	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	43.2	0.0%	0.4	467	0.0	4,156	10.4	2.6	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	95.8	-0.2%	1.6	7,972	1.6	5,886	16.3	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.1	-1.4%	1.5	2,905	0.4	3,467	16.2	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.6	-1.1%	1.7	366	0.8	2,062	8.5	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.4	3.7%	0.8	1,132	0.7	1,163	7.2	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.1	-2.6%	0.5	518	0.0	4,535	20.1	3.8	54.5%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.0	0.4%	0.8	221	0.1	650	20.0	0.7	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.7	0.3%	0.6	153	0.0	625	10.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.9	2.9%	1.3	14,658	3.7	5,274	17.2	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	44.8	4.7%	1.6	7,825	4.7	2,109	21.2	2.7	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.6	1.0%	1.6	3,327	3.0	1,641	12.5	1.0	29.4%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.4	-1.3%	1.2	2,051	2.4	3,341	5.8	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.1	0.2%	1.2	2,129	1.7	3,261	6.5	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.8	0.4%	1.1	1,642	1.8	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	47.1	0.0%	0.8	168	0.1	5,073	9.3	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	32.4	0.0%	0.3	138	0.1	4,603	7.0	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	13.7	0.7%	1.3	589	0.0	732	18.7	1.0	2.2%	5.6%
HPG	Thép	23.1	0.2%	1.0	2,767	4.1	2,526	9.1	1.4	38.0%	17.4%
HSG	Thép	8.2	-2.4%	1.6	150	1.1	890	9.2	0.6	17.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.0	-1.7%	0.7	8,934	4.1	5,527	21.3	7.5	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	234.6	0.2%	0.8	6,541	0.2	7,365	31.9	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	51.6	-6.2%	1.3	2,623	5.1	4,512	11.4	1.8	39.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.4	0.0%	0.6	469	0.9	440	41.9	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	75.1	0.1%	0.8	7,108	0.1	2,630	28.6	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	142.9	0.3%	1.1	3,255	2.5	9,850	14.5	5.5	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	34.4	1.5%	1.7	2,118	0.3	1,747	19.7	2.7	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	24.3	1.9%	0.8	314	0.3	1,949	12.5	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.5	-0.6%	0.6	202	0.1	2,571	6.4	1.1	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	77.5	-3.0%	1.0	539	1.0	8,338	9.3	3.9	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-0.3%	0.7	351	0.0	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	0.3%	0.8	245	0.1	1,912	7.7	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	55.7	-4.0%	0.7	185	0.2	9,842	5.7	0.5	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.0	-0.4%	1.1	519	0.1	1,557	17.3	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.1	-2.4%	0.4	238	0.5	1,845	12.0	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	12.4	0.4%	0.6	1,263	0.9	820	15.1	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.0	0.2%	0.6	275	0.1	2,721	8.1	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.90	2.94	2.81	937250.00
BID	44.75	4.68	2.35	2.44MLN
TCB	23.10	1.32	0.31	2.39MLN
CTG	20.55	0.98	0.22	3.31MLN
HVN	34.35	1.48	0.21	193480.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	51.60	-6.18	-1.16	2.23MLN
VNM	118.00	-1.67	-1.02	786100.00
VHM	83.80	-0.48	-0.39	568720.00
PLX	56.10	-1.41	-0.30	155940.00
VPB	19.35	-1.28	-0.18	2.88MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	10.70	7.00	0.01	10.00
HCD	3.08	6.94	0.00	1.36MLN
NHH	38.50	6.94	0.03	137140.00
TCH	30.05	6.94	0.21	2.47MLN
EMC	12.35	6.93	0.00	450.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.35	-6.94	0.00	80.00
DPG	39.85	-6.89	-0.04	205800.00
COM	49.00	-6.84	-0.02	230.00
HRC	41.00	-6.61	-0.03	350.00
PXT	1.30	-6.47	0.00	30700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	0.44	0.16	1.79MLN
MBG	26.90	9.80	0.05	933100.00
CEO	9.50	3.26	0.04	1.39MLN
HUT	2.50	4.17	0.02	1.79MLN
PVX	1.20	9.09	0.02	85500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

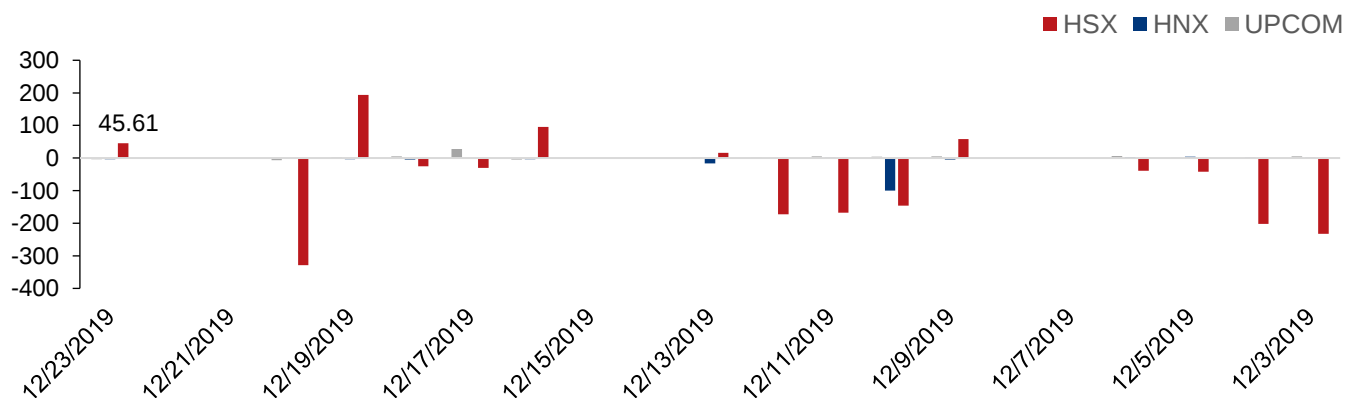
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	107.00	-8.78	-0.10	2600.00
PGS	28.10	-8.77	-0.09	2400.00
VCS	77.50	-3.00	-0.08	286600.00
PVS	17.60	-1.12	-0.05	1.02MLN
NET	39.00	-8.24	-0.05	47800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.00	11.1	0.00	93100.00
C69	9.90	10.0	0.01	1.75MLN
FID	1.10	10.0	0.00	10900.00
SPI	1.10	10.0	0.00	61400.00
DTD	11.10	9.9	0.02	200300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNC	36.00	-10.00	-0.01	100.00
SGH	40.20	-9.87	-0.01	500.00
TTC	13.10	-9.66	0.00	500.00
PSE	6.20	-8.82	0.00	100.00
HHC	107.00	-8.78	-0.10	2600.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2018	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	15.1	18.9	14.9	0.05	14.0	0.5	Click
2	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.2	171.4	111.0	8,321	13.3	4.4	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	22.8	27.8	22.8	3,585	6.4	1.5	Click
4	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	12.7	2,692	4.7	0.8	Click
5	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	23.1	2,660	8.7	1.4	Click
6	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	116.0	6,216	18.7	7.1	Click
7	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	90.9	5,274	17.2	4.1	Click
8	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.3	9,530	3.4	1.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.1	4,688	12.0	2.8	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	21.8	3,491	6.2	1.0	Click
11	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.5	2,246	7.8	0.8	Click
12	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.8	3,678	10.8	0.8	Click
13	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	51.6	4,512	11.4	1.8	Click
14	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	118.0	5,527	21.3	7.5	Click
15	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.0	2,887	7.3	1.5	Click
16	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	35.5	5,614	6.3	1.1	Click
17	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.9	14,958	5.3	1.5	Click
18	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.2	2,279	3.6	0.5	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.8	3,585	6.4	1.5	Click
20	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.4	1,079	12.4	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/11/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chân ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express TDT 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn